

Bản án số: 235/2024/HS-ST
Ngày 06-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Dung

Bà Bùi Thị Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chính - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 218/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Quốc T sinh ngày 21/9/2001 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 3, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quốc Q và bà Nguyễn Thị Thu H; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/8/2024 đến ngày 08/8/2024 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Bùi Đình C sinh ngày 08/6/1999 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đình T và bà Ngô Thị S; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/8/2024 đến ngày 08/8/2024 chuyển tạm giam; có mặt.

3. Nguyễn Đức T sinh ngày 17/6/2000 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện A, Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T và bà Ngô Thị L; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/8/2024 đến ngày 08/8/2024 chuyển tạm giam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 01/8/2024, Công an xã An Hưng kiểm tra hành chính tại nhà trọ do Lê Quang H, sinh năm 1985 thuê ở thôn Đ, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng phát hiện tại phòng 01 của tầng 2, Lê Quốc T và Bùi Đình C có dấu hiệu tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ trong ngăn kéo kệ gỗ 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn, đường kính 20cm, trên đĩa bám dính chất bột màu trắng; 01 thẻ nhựa kích thước (05 x 08)cm; 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng. Tại tầng 3 có Lò Thị T, sinh năm 2006; Lê Thị Cẩm Q, sinh năm 2003; Đặng Thị N, sinh năm 1998; Hoàng Ngọc L, sinh năm 2005; Lương Thị K, sinh năm 2002; Vương Thị Thu H, sinh năm 2000; Tạ Thị Lan P, sinh năm 1999, đây là những nhân viên phục vụ cho các quán karaoke. Công an xã An Hưng đã lập biên bản, bàn giao các đối tượng và vật chứng cho Công an huyện An Dương giải quyết. Ngày 02/8/2024 Cơ quan điều tra ra lệnh giữ người trong trường khẩn cấp đối với Nguyễn Đức T.

Kết luận giám định số 931/KL-KTHS ngày 07/8/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng, kết luận: Chất bột màu trắng bám dính trên đĩa sứ, thẻ nhựa và 01 ống cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng là chất ma túy, loại Ketamine; không đủ cơ sở cân xác định khối lượng chất ma túy. Mẫu nước tiểu của Lê Quốc T, Bùi Đình C gửi giám định tìm thấy chất Dehydronorketamine (Dehydronorketamine là sản phẩm được chuyển hóa được tìm thấy khi con người sử dụng chất ma túy Ketamine). Các mẫu nước tiểu của Lò Thị T, Lê Thị Cẩm Q, Đặng Thị N, Hoàng Ngọc L, Lương Thị K, Vương Thị Thu H, Tạ Thị Lan P, Nguyễn Đức T gửi giám định không tìm thấy chất ma túy và sản phẩm chuyển hóa.

Quá trình điều tra Lê Quốc T, Bùi Đình C, Nguyễn Đức T khai nhận: T và Lê Quốc H chung nhau điều hành cung cấp nhân viên nữ phục vụ cho các quán karaoke, T được thuê để đưa đón nhân viên. T và H thuê căn nhà ở thôn Đồng Hải, xã An Hưng, huyện An Dương để T và T cùng các nhân viên ăn ở, sinh hoạt. T quản lý toàn bộ căn nhà, T được T cho ngủ tại phòng 1 tầng 2. Tối ngày 27/7/2024, T nhặt được 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng và 01 gói ma túy ketamine gói bằng tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng tại đám cưới ở xã Hồng Phong, huyện An Dương. Khoảng hơn 22 giờ cùng ngày, T vào phòng T, thấy trong phòng có T và Bùi Đình C (bạn của Lê Thị Cẩm Q) đến chơi, T rủ C sử dụng ma túy, C đồng ý. T bảo C xuống tầng 1 lấy đĩa, C cầm 01 đĩa nhựa màu trắng hình tròn mang lên thì T bảo không dùng được. Thấy thế, T cầm chiếc đĩa nhựa xuống và lấy 01 đĩa sứ màu trắng, hình tròn đường kính 20cm, bật bếp gas hơi nóng đĩa cầm lên phòng để trên bếp, T lấy ống hút, đồ hết gói ma túy ketamine ra đĩa và nói “có cái thẻ nào không”, T lấy chiếc thẻ giấy đưa cho T để “kê” ma túy. Do thẻ giấy mềm không sử dụng được nên T đã vứt xuống nền rồi lấy chiếc thẻ nhựa trong hộp đựng đồng hồ, rồi T, C lần lượt dùng thẻ nhựa gạt ketamine trên đĩa, mỗi người “kê” và sử dụng 02 đường. Sau đó, C cất đĩa ma túy vào ngăn kéo

kệ gỗ, T sang phòng bên cạnh ngủ. Sau đó C tiếp tục sử dụng hết số ketamine còn lại trên đĩa. Sáng ngày 29/7/2024, Bùi Đình C điều khiển xe mô tô đến khu vực phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng mua của một người đàn ông tên D 01 túi ma túy ketamine với giá 1.000.000 đồng rồi mang về phòng T. Đến 21 giờ cùng ngày, trong lúc T đang ngủ, C mở ngăn kéo lấy túi ma túy đổ hết số ketamine ra đĩa, dùng thẻ nhựa đánh mịn, sau đó “kê” sử dụng 02 đường rồi đóng ngăn kéo lại. Một lúc sau T vào phòng, C mời T sử dụng ma túy, T mở ngăn kéo dùng thẻ nhựa “kê” sử dụng 01 đường. Sau đó C tiếp tục sử dụng hết số ma túy trên đĩa. Tối ngày 31/7/2024, Bùi Đình C lại đến khu vực phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng mua của Dương 01 túi ma túy ketamine với giá 1.000.000 đồng mang về phòng T. Lúc này không có ai ở trong phòng, C mở ngăn kéo ra, đổ hết túi ma túy ra đĩa và dùng thẻ nhựa đánh “kê” sử dụng 02 đường. Khoảng hơn 23 giờ, T đi sang phòng thấy C đang ngủ, T mở ngăn kéo, thấy trên đĩa còn ma túy nên đã vét và sử dụng hết. Chiều ngày 01/8/2024, lực lượng Công an kiểm tra phát hiện các đối tượng có dấu hiệu tổ chức sử dụng chất ma túy như trên.

Vật chứng gồm: 01 đĩa sứ; 01 thẻ nhựa và tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương quản lý.

Tại phiên tòa, các bị cáo trình bày thống nhất về hành vi như trên; đồng ý với nội dung các Kết luận giám định và xét nghiệm; không có ý kiến hay khiếu nại gì, xin giảm nhẹ hình phạt.

Cáo trạng số 232/2024/CT-VKS ngày 28/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương truy tố các bị cáo về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo Điều 255 của Bộ luật Hình sự (BLHS); các bị cáo Lê Quốc T, Bùi Đình C vi phạm điểm a khoản 2 Điều 255 của BLHS; bị cáo Nguyễn Đức T vi phạm điểm b khoản 2 Điều 255 của BLHS. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255 của BLHS đối với bị cáo Lê Quốc T và Bùi Đình C; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255 của BLHS đối với bị cáo Nguyễn Đức T; áp dụng chung các điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS đối với các bị cáo; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của BLHS đối với bị cáo Nguyễn Đức T; xử phạt bị cáo Lê Quốc T và Bùi Đình C mỗi bị cáo từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Áp dụng Điều 47 của BLHS và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy 01 đĩa sứ; 01 thẻ nhựa; tịch thu nộp sung quỹ Nhà nước tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định trong quá trình tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, của người được giao thẩm quyền tiến hành tố tụng đối với vụ án trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Hành vi ngày 27/7/2024 tại phòng ở của Nguyễn Đức T, Lê Quốc T chuẩn bị địa điểm và ma túy, Nguyễn Đức T giúp T chuẩn bị đĩa sứ và hơi nóng ma túy để cho T và C sử dụng. Ngày 29 và 31/7/2024 cũng tại phòng ở của Nguyễn Đức T, C đi mua ma túy để C và T cùng sử dụng. Với hành vi trên các bị cáo đã phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại Điều 255 của BLHS. Các bị cáo T và C đã cùng nhau sử dụng vào các ngày 27, 29, 31/7/2024 nên vi phạm điểm a khoản 2 Điều 255 của BLHS là "Phạm tội 02 lần trở lên". Bị cáo T ngày 27/7/2024 chuẩn bị đĩa sứ và hơi nóng ma túy để cho T và C sử dụng là phạm tội "Đối với 02 người trở lên" vi phạm điểm b khoản 2 Điều 255 của BLHS. Các chứng cứ xác định không có tội được loại trừ. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ nên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với hành vi đã thực hiện

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã vi phạm pháp luật về phòng chống ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội, đạo đức, lối sống, văn hóa và sức khỏe của bản thân và của người khác. Do thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bị cáo T có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[4] Về hình phạt: Vụ án có đồng phạm nên cần đánh giá vai trò của từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp. Bị cáo T tuy là người chuẩn bị đồ sử dụng ma túy, rủ bị cáo khác sử dụng nhưng bị cáo C sau lần được T rủ và cho sử dụng ma túy đã tích cực mua ma túy (sáng ngày 29/7/2024 và tối ngày 31/7/2024) về sử dụng và cho T sử dụng cùng. Như vậy vai trò của C cao hơn T nên cần áp dụng hình phạt cao nhất; vai trò của T là thấp nhất nên áp dụng hình phạt thấp nhất là phù hợp.

[5] Về vật chứng: 01 đĩa sứ và 01 thẻ nhựa cần tịch thu tiêu hủy; 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng cần tịch thu nộp sung quỹ Nhà nước.

[6] Về những vấn đề khác: Vụ án này không có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm hoặc hành vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử không phân tích chứng cứ để xem xét việc khởi tố hay yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự. Đối với Lê Quang Huy trực tiếp đứng ra thuê nhà để T, T và các nhân viên ở nhưng Huy không biết các bị cáo dùng để sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp pháp luật. Đối với Lò Thị T, Lê Thị Cẩm Q, Đặng Thị N, Hoàng Ngọc L, Lương Thị K, Vương Thị Thu H, Tạ Thị Lan P không sử dụng ma túy, không biết các bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy và nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù

hợp pháp luật. Đối tượng tên Dương bán ma túy cho C, chưa xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau là có căn cứ. Xe mô tô Bùi Đình C điều khiển đi mua ma túy ngày 29 và 31/7/2024, C thấy xe ở tầng 1 cấm sẵn chìa khóa nên tự ý lấy đi mua ma túy, không N biên kiểm soát. Tại thời điểm kiểm tra không có chiếc xe này, nên cơ quan Công an không thu giữ được nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Quốc T, Bùi Đình C; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức T; áp dụng các điều 17, 38, 58, điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Quốc T, Bùi Đình C và Nguyễn Đức T; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức T.

Tuyên bố các bị cáo Lê Quốc T, Bùi Đình C và Nguyễn Đức T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt:

+ Bị cáo Lê Quốc T 07 (Bảy) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 02/8/2024.

+ Bị cáo Bùi Đình C 08 (Tám) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 02/8/2024.

+ Bị cáo Nguyễn Đức T 07 (Bảy) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 02/8/2024.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy 01 đĩa sứ và 01 thẻ nhựa; tịch thu nộp sung quỹ Nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng (chi tiết tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; các bị cáo Lê Quốc T, Bùi Đình C và Nguyễn Đức T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện An Dương;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra công an h. An Dương;
- Cơ quan THAHSCA huyện An Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Trại tạm giam công an thành phố Hải Phòng;
- Phòng PV 06 và PC 10 công an thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Đỗ Văn Dũng